

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển thẳng các ngành/chuyên ngành Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội kỳ tuyển sinh đại học chính quy năm 2021
(Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào các ngành /chuyên ngành có môn năng khiếu)

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQTS TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17 tháng 9 năm 1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021;

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 205/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy của Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 243/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ kết quả xét tuyển đại học hệ chính quy Đợt 1 năm 2021 đối với thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch HĐQTS tại cuộc họp Hội đồng Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021, ngày 03/8/2021 và Danh sách thí sinh nộp hồ sơ đề được công nhận trúng tuyển;

Căn cứ Kết quả thi môn Năng khiếu năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Xét đề nghị của Thường trực HĐQTS đại học hệ chính quy năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 66 thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào các ngành có môn Năng khiếu thuộc Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội trúng tuyển đại học hệ chính quy Đợt 1 năm 2021 theo phương thức xét tuyển thẳng (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Điều 3. Hội đồng Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021 và các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Trường và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Các đơn vị liên quan (để t/h);
- Đăng website Trường;
- Lưu VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐTS**



PGS.TS.KTS: *Lê Quân*





DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THẲNG ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 350/TB-ĐHKT-ĐT ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

TT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Nhóm ngành Ngành/Chuyên ngành ĐKXT	Diện xét tuyển theo Quy chế TS	Điểm môn NK	Năm tốt nghiệp THPT
1	TT224	Nguyễn Vũ An	08/06/2003	Kiến trúc	Điểm e khoản 2 Điều 9	7	2021
2	TT087	Vũ Tuấn Việt	12/07/2003	Kiến trúc	Điểm f khoản 2 Điều 9	6.5	2021
3	TT032	Hoàng Sơn	02/11/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	8	2021
4	TT114	Chu Văn Tiến	29/01/1994	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	5.5	2021
5	TT106	Nguyễn Thị Thơm	02/11/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7	2021
6	TT210	Đào Phan Minh Châu	23/01/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7.5	2021
7	TT158	Nguyễn Mai Quyên	07/12/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6.5	2021
8	TT163	Bùi Đức Thịnh	06/11/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6	2021
9	TT026	Nguyễn Hải Yến	12/04/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7	2021
10	TT079a	Nguyễn Mỹ Ngân	10/01/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7.5	2021
11	TT146	Nguyễn Phương Thảo	04/04/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7	2021
12	TT006	Tạ Dương Huy	27/04/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6.5	2021
13	TT103	Dương Ngọc Huy	18/11/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6	2021
14	TT0130	Cung Thái Đức	03/12/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6.5	2021
15	TT081	Đinh Tuấn Việt	15/09/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	5.5	2021
16	TT197	Cao Bá Đạt	19/08/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	5.5	2021
17	TT099	Trương Hoàng Anh	30/08/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7.5	2021
18	TT104	Chu Hồng Lộc	14/03/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6	2021
19	TT231	Ngô Thảo Phương	20/09/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6.5	2021
20	TT097	Lê Kim Ngân	11/10/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7	2021
21	TT071	Nguyễn Trung Hiếu	13/03/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6.5	2021
22	TT245	Trần Ngọc Thảo Linh	07/08/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7	2021
23	TT027	Nguyễn Bích Ngọc	04/06/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7.5	2021

TT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Nhóm ngành Ngành/Chuyên ngành ĐKXT	Diện xét tuyển theo Quy chế TS	Điểm môn NK	Năm tốt nghiệp THPT
24	TT208-209	Ngô Lê Quốc Huy	03/07/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	5.5	2021
25	TT107	Hoàng Thùy Dương	17/03/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	7.5	2021
26	TT076 *	Hoàng Thị Xuân Thu	10/01/2003	Kiến trúc	Điểm g khoản 2 Điều 9	6.5	2021
27	TT140	Nguyễn Trường Sơn	06/11/2003	Kiến trúc	Điểm g, f khoản 2 Điều 9	5.5	2021
28	TT036-37	Nguyễn Minh Hiền	30/08/2003	Kiến trúc	Điểm g, f khoản 2 Điều 9	8	2021
29	TT043	Lê Đức Trung Kiên	15/02/2003	Kiến trúc	Điểm g, f khoản 2 Điều 9	7	2021
30	TT226	Nguyễn Văn Huy	20/01/2003	Kiến trúc	Điểm g, f khoản 2 Điều 9	7	2021
31	TT244	Nguyễn Tuấn Ngọc	15/01/2003	Kiến trúc	Điểm g, f khoản 2 Điều 9	6.5	2021
32	TT125	Đỗ Việt Hà	11/10/2003	Kiến trúc cảnh quan	Điểm g, h, f khoản 2 Điều 9	6.5	2021
33	TT235	Lê Thu Thủy	09/08/2003	Kiến trúc cảnh quan	Điểm g, h, khoản 2 Điều 9	7	2021
34	TT015	Ngô Duy Long	08/11/2003	Chương trình tiên tiến Ngành Kiến trúc	Điểm h khoản 2 Điều 9	6	2021
35	TT023	Ngô Minh	26/07/2003	Chương trình tiên tiến Ngành Kiến trúc	Điểm h khoản 2 Điều 9	7	2021
36	TT143	Trần Đức Quang	18/01/2003	Chương trình tiên tiến Ngành Kiến trúc	Điểm h khoản 2 Điều 9	7	2021
37	TT019	Đỗ Quang Vũ	28/09/2003	Chương trình tiên tiến Ngành Kiến trúc	Điểm h khoản 2 Điều 9	7.5	2021
38	TT096	Trần Lam	22/03/2003	Chương trình tiên tiến Ngành Kiến trúc	Điểm h khoản 2 Điều 9	5.5	2021
39	TT102	Vũ Thị Hà Chi	01/02/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	14.5	2021
40	TT056	Nguyễn Sinh Huy	05/12/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	12.5	2021
41	TT069	Đinh Ngọc Ánh	16/09/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	12	2021
42	TT150	Nguyễn Thị Kim Quý	30/12/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	14	2021
43	TT138	Lý Hồng Liên	09/10/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	15	2021
44	TT126	Nguyễn Hương Trà	23/08/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	12.5	2021
45	TT073	Mai Thị Hải Yến	14/01/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	12	2021
46	TT160	Trần Thị Ngọc Anh	10/08/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	13.5	2021
47	TT134	Nguyễn Phương Thảo	10/08/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	13.5	2021
48	TT195b	Hạ Nguyễn Trúc Quỳnh	15/11/2003	Nhóm ngành 3	Điểm g khoản 2 Điều 9	11	2021
49	TT243	Nguyễn Thị Thảo Linh	19/09/2003	Thiết kế nội thất	Điểm g khoản 2 Điều 9	12.5	2021

TT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Nhóm ngành Ngành/Chuyên ngành ĐKXT	Diện xét tuyển theo Quy chế TS	Điểm môn NK	Năm tốt nghiệp THPT
50	TT075	Nguyễn Thị Thu Hà	29/05/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	14	2021
51	TT180	Lê Thu Phương	15/02/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	13.5	2021
52	TT185	Đào Lan Chi	16/09/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	15.5	2021
53	TT049	Hoàng Diễm Thùy Dương	08/03/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	11.5	2021
54	TT068	Nguyễn Thị Quế Giang	07/01/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	12.5	2021
55	TT095	Đinh Nguyễn Bích Ngọc	05/10/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	13.5	2021
56	TT082	Nguyễn Mai Phương	03/01/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	15	2021
57	TT206	Nguyễn Phương Ngân	06/10/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	11.5	2021
58	TT252	Lâm Phương Dung	29/08/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	13	2021
59	TT033	Nguyễn Quang Huy	29/09/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	10	2021
60	TT133	Đỗ Quang Dương	25/09/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	12.5	2021
61	TT261	Đặng Thị Hạnh Ngân	03/07/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g khoản 2 Điều 9	11	2021
62	TT003	Vũ Hà Phương	03/11/2003	Thiết kế đồ họa	Điểm g, e khoản 2 Điều 9	13	2021
63	TT232	Phan Thùy Linh	24/05/2003	Thiết kế thời trang	Điểm g khoản 2 Điều 9	15.5	2021
64	TT230A	Nguyễn Hạnh Nguyên	17/08/2003	Thiết kế thời trang	Điểm g khoản 2 Điều 9	14	2021
65	TT117	Nguyễn Thị Thùy Trang	04/08/2003	Thiết kế thời trang	Điểm g khoản 2 Điều 9	12	2021
66	TT147	Trịnh Quỳnh Chi	29/10/2003	Thiết kế thời trang	Điểm g khoản 2 Điều 9	13	2021

Danh sách có 66 thí sinh./.

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS



PGS.TS.KTS: Lê Quân